

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 207/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 12 - 2024

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sơn Ngọc Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Minh Hoàng.

Ông Đào Việt Khái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quang Nhật – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:
Ông Đoàn Chí Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 283/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 429/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Mai Thị Trúc L, sinh năm 1984 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã R, huyện P, tỉnh C.

- Bị đơn: Ông Trần Văn N, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 9 năm 2024 nguyên đơn bà Mai Thị Trúc L trình bày:

Vào năm 2004, bà Mai Thị Trúc L và ông Trần Văn N chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hải, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau vào ngày 08 tháng 8 năm 2008, Giấy chứng nhận kết hôn số 57, Quyền số 01. Trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm cũng như về lối sống, tính cách không hợp nhau. Nay bà Mai Thị Trúc L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn N.

Về con chung: Quá trình sống chung giữa bà L và ông N có 02 người con chung tên Trần Anh T, sinh ngày 24 tháng 7 năm 2005 và Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2009. Hiện con chung Trần Anh T đã đủ tuổi trưởng thành có thể tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng Trần Thị Ngọc H đang do bà L và ông N nuôi dưỡng, khi ly hôn, bà L yêu cầu được nuôi dưỡng Trần Thị Ngọc H, bà L không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ông Trần Văn N đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đồng thời triệu tập xét xử nhiều lần nhưng ông N vẫn không tham gia tố tụng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, cụ thể về hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà Mai Thị Trúc L ly hôn với ông Trần Văn N; Về con chung: Có 02 người con chung tên Trần Anh T, sinh ngày 24 tháng 7 năm 2005 và Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2009. Hiện con chung Trần Anh T đã đủ tuổi trưởng thành có thể tự nuôi sống bản thân không yêu cầu nên không đặt ra xem. Hiện tại Trần Thị Ngọc H đang do bà L và ông N nuôi dưỡng. Bà Mai Thị Trúc L yêu cầu nuôi dưỡng Trần Thị Ngọc H, cháu H có nguyện vọng sống chung cùng với bà L nên chấp nhận yêu cầu của bà Mai Thị Trúc L là phù hợp. Bà L không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có, không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nội dung tranh chấp giữa bà Mai Thị Trúc L với ông Trần Văn N được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Trần Văn N là bị đơn có nơi cư trú tại huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Quá trình giải quyết vụ án ông Trần Văn N đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Trần Văn N.

Bà Mai Thị Trúc L xin vắng mặt tham gia phiên tòa. Nay căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[3] Về hôn nhân: Vào năm 2004 bà Mai Thị Trúc L với ông Trần Văn N sống chung với nhau như vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hải, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Do đó, hôn nhân của bà Mai Thị Trúc L với ông Trần Văn N là hợp pháp. Quá trình sống chung bà Mai Thị Trúc L cho rằng bà và ông N xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc mà không thể hàn gắn tình cảm. Bà Mai Thị Trúc L xác định không còn tình thương dành cho ông N và bà L yêu cầu ly hôn ông N.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân của bà Mai Thị Trúc L với ông Trần Văn N không thể tiếp tục duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được. Hôn nhân giữa bà Mai Thị Trúc L với ông Trần Văn N đã và đang trong tình trạng trầm trọng. Ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không tham gia tố tụng, cho thấy ông N không mong muốn hàn gắn đoàn tụ. Đối với yêu cầu của bà L, ông N không có ý kiến gì. Xét cho bà Mai Thị Trúc L ly hôn với ông Trần Văn N là có cơ sở.

[4] Về con chung: Quá trình sống chung bà L và ông N có 02 người con chung tên Trần Anh T, sinh ngày 24 tháng 7 năm 2005 và Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2009. Hiện con chung Trần Anh T đã đủ tuổi trưởng thành có thể tự nuôi sống bản thân không yêu cầu nên không đặt ra xem. Đối với Trần Thị Ngọc H đang do bà L và ông N chăm sóc, nuôi dưỡng. Mặt khác cháu H có nguyện vọng sống cùng với bà Mai Thị Trúc L nên chấp nhận yêu cầu của bà Mai Thị Trúc L là phù hợp. Bà L không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con, xét việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên có cơ sở chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

[7] Từ những phân tích và nhận định nêu trên xét thấy quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là có căn cứ nên được chấp nhận.

[8] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Mai Thị Trúc L phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Mai Thị Trúc L ly hôn với ông Trần Văn N.

2. Về con chung: Giao Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2009 cho bà Mai Thị Trúc L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Mai Thị Trúc L phải chịu 300.000 đồng. Bà Mai Thị Trúc L đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0003883 ngày 07/10/2024, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, nay chuyển thu.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- UBND xã T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sơn Ngọc Trọng